

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đào Phương Bắc

2. Ngày tháng năm sinh: 01/07/1982; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 81, ngõ 580 đường Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà 81, ngõ 580 đường Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0983560149;

E-mail: daophuongbac@hus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 09,2004 đến tháng, năm 10,2005: Trợ giảng tại Bộ môn Đại số-Hình học-Tô pô, Khoa Toán-Cơ-Tin học, Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Từ tháng, năm 11,2005 đến tháng, năm 06,2022: Giảng viên tại Bộ môn Đại số-Hình học-Tô pô, Khoa Toán-Cơ-Tin học, Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc Gia Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Chi ủy viên, Chi bộ Khoa Toán-Cơ-Tin học; Chức vụ cao nhất đã qua: Chi ủy viên, Chi bộ Khoa Toán-Cơ-Tin học

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Đại số-Hình học-Tô pô, Khoa Toán-Cơ-Tin học, Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438581135

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc Gia Hà Nội.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 23 tháng 06 năm 2004, số văn bằng: QC 025623, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 25 tháng 11 năm 2011, số văn bằng: QT 000563, ngành: Toán học, chuyên ngành: Đại số và Lý thuyết số; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1. Lý thuyết bất biến hình học và những khía cạnh số học của nó.
2. Số học của nhóm đại số.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Cơ sở; 1 cấp Khác;
- Đã công bố (số lượng) 14 bài báo khoa học, trong đó 12 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
----	-----------------	-----------------	-----------------

1	Bằng chứng nhận đạt giải Nhì môn Đại số Olympic Toán học Sinh viên toàn quốc OLP'2002 tổ chức tại ĐHKQTĐ Hà Nội	Hội Toán học Việt Nam	2002
2	Bằng chứng nhận đạt giải Nhất môn Giải tích Olympic Toán học Sinh viên toàn quốc OLP'2002 tổ chức tại ĐHKQTĐ Hà Nội	Hội Toán học Việt Nam	2002
3	Giấy khen về thành tích đạt giải nhì sinh viên nghiên cứu Khoa học năm 2004	Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội	2004
4	Giấy chứng nhận đạt danh hiệu gương mặt trẻ tiêu biểu cấp ĐHQG Hà Nội	ĐHQG Hà Nội	2016
5	Giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển Hệ đào tạo cử nhân khoa học tài năng giai đoạn 1997-2017	Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội	2017
6	Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh và tổ chức các đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế các môn học năm 2021	Bộ Giáo dục và đào tạo	2021

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi nhận thấy bản thân đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của một giảng viên Đại học như sau:

- Về tư tưởng: Luôn kiên định, vững vàng, chấp hành tốt mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như các quy định, nội quy trong Nhà trường và nơi cư trú.
- Về đạo đức, lối sống: Luôn cố gắng làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, hòa đồng và hợp tác với đồng nghiệp. Luôn ý thức được việc giữ gìn đạo đức của một giảng viên. Trong nghiên cứu khoa học luôn trung thực và khách quan.
- Về giảng dạy: Luôn cố gắng cập nhật bài giảng, và truyền tải tốt nhất đến người học.
- Về nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng: Luôn ý thức được bên cạnh việc giảng dạy thì nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ quan trọng của một giảng viên Đại học, tôi luôn cố gắng kết hợp những nghiên cứu bản thân đang thực hiện với việc hướng dẫn học viên. Bên cạnh việc giảng dạy, nghiên cứu, tôi cũng tham gia các nhiệm vụ khác phục vụ cho sự phát triển của cộng đồng. Tôi đã làm phản biện nhiều bài báo cho hai tạp chí Toán học trong nước có uy tín quốc tế là Vietnam Journal of Mathematics (ESCI-Q2) và Acta Mathematica Vietnamica (ESCI-Q3). Ngoài ra tôi cũng một số bài viết cho Tạp chí Thông tin Toán học và Tạp chí Pi của Hội Toán học Việt Nam. Tôi cũng là người điểm bài cho cơ sở dữ liệu Mathematical Reviews của Hội Toán học Mỹ.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 17 năm 9 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghệ ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016- 2017			1	1	300	45	345/522,5/229,5
2	2017- 2018					300	45	345/427,5/229,5
3	2018-2019			1		405		405/544/270
03 năm học cuối								

4	2019-2020				1	495	30	525/604/270
5	2020-2021				1	480	60	540/635,5/229,5
6	2021-2022			2		270	45	315/527/229,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Khoa học Tự nhiên-Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			

1	Phạm Thị Hương		X	X		04/2016 đến 08/2017	Đại học Khoa học Tự nhiên- ĐHQG Hà Nội	10/04/2018
2	Nguyễn Thị An		X	X		03/2018 đến 12/2018	Đại học Hong Đức, Thanh Hóa	09/04/2019
3	Võ Duy Hoàng		X	X		04/2018 đến 08/2019	Đại học Khoa học Tự nhiên- ĐHQG Hà Nội	22/05/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do

1	Some rationality properties of observable groups and related questions	2	Không	Illinois Journal of Mathematics	Tạp chí thuộc danh mục ESCI - ESCI <i>IF: 0.36, Q2</i>	2	49, 2, 431--444	07/2005
2	Relative versions of theorems of Bogomolov and Sukhanov over perfect fields	2	Không	Proceedings of the Japan Academy, Series A, Mathematical Sciences	Tạp chí thuộc danh mục SCIE - SCIE <i>IF: 0.595, Q2 (thời điểm xuất bản)</i>		84, 7, 101--106	07/2008
3	On the topology of group cohomology of algebraic groups over local fields	2	Không	Proceedings of $\mathbb{A}^1$ International Conference on Research and Education in Mathematics, ISBN 978-967-344-092-4	- Hệ thống CSDL quốc tế khác			11/2009
4	On a relative version of a theorem of Bogomolov over perfect fields and its applications	2	Không	Journal of Algebra	Tạp chí thuộc danh mục SCI - SCI <i>IF: 0.89, Q1</i>		324, 6, 1259--1278	09/2010

5	On the topology for relative orbits of algebraic groups over complete fields	2	Không	Proceedings of the Japan Academy, Series A, Mathematical Sciences	Tạp chí thuộc danh mục SCIE - SCIE IF: 0.595, Q2 (thời điểm xuất bản)		86, 8, 133--138	10/2010
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
6	On the topology of relative orbits for actions of algebraic tori over local fields	2	Không	Journal of Lie Theory	Tạp chí thuộc danh mục SCIE - SCIE IF: 0.606; Q3		22, 4, 1025--1038	12/2012
7	On the topology of relative orbits and geometric orbits for actions of algebraic groups over complete fields	2	Không	Journal of Algebra	Tạp chí thuộc danh mục SCI - SCI IF: 0.89, Q1	3	390 181--198	09/2013
8	On the topology on group cohomology of algebraic groups over complete valued fields	2	Không	Journal of Algebra	Tạp chí thuộc danh mục SCI - SCI IF: 0.89, Q1	3	399 561--580	02/2014

9	Corrigendum to “On the topology of relative and geometric orbits for actions of algebraic groups over complete fields” [J. Algebra 390 (2013) 181–198]	2	Không	Journal of Algebra	Tạp chí thuộc danh mục SCI - SCI IF: 0.89, Q1		413 402-- 403	09/2014
10	Some Topics in Geometric Invariant Theory over Non-algebraically Closed Fields	2	Không	Handbook of Group Actions (Vol. II), Advanced Lectures in Mathematics (ALM), Higher Education Press and International Press Beijing-Boston. Editors: Lizhen Ji, Athanase Papadopoulos, Shing-Tung Yau/ ISBN: 978-7-04-041389-2	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		32 451-- 477	03/2015
11	Generic semistability for reductive group actions	2	Có	Proceedings of the American Mathematical Society	Tạp chí thuộc danh mục SCI - SCI IF: 1.016, Q1	1	144, 10, 4115-- 4124	10/2016

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

